

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 12/CV-SH ngày 05/5/2023 của Công ty TNHH MTV chăn nuôi Sơn Hải về việc giải trình chỉnh sửa và đề nghị cấp giấy phép môi trường của Trang trại chăn nuôi heo hậu bị, Công ty TNHH MTV chăn nuôi Sơn Hải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 106/TTr-STNMT ngày 12 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

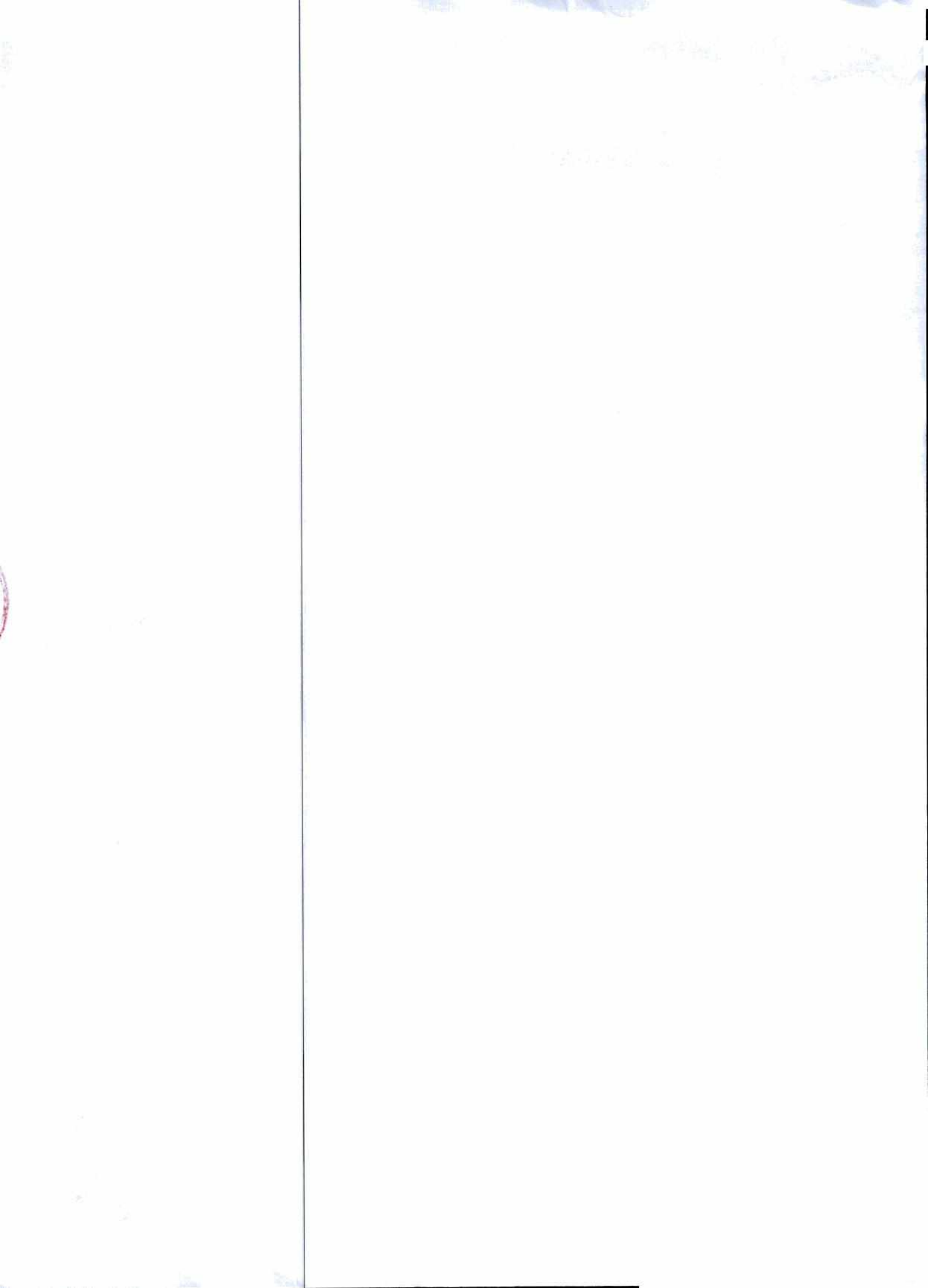
Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV chăn nuôi Sơn Hải, địa chỉ tại: Lầu 2, số 134/41, Tổ 91, KP13, phường Hồ Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Trang trại chăn nuôi heo hậu bị tại thôn 1 (Cồn Dầu), xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Trang trại chăn nuôi heo hậu bị.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại thôn 1 (Cồn Dầu), xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400368889 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 04/5/2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/12/2020.



1.4. Mã số thuế: 6400368889.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Tại thôn 1 (Cồn Dầu), xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

- Quy mô:

Tổng diện tích đất sử dụng là: 109.638 m², trong đó:

+ Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 21.716 m².

+ Diện tích các công trình phụ trợ: 14.957 m².

+ Diện tích sân đường nội bộ: 4.850 m².

+ Diện tích đất cách ly, trồng cây xanh, thảm cỏ: 68.115 m².

Quy mô chăn nuôi: 14.000 con heo hậu bị.

Là dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và thuộc nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV chăn nuôi Sơn Hải

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có các trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý





chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Cư Jút tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, NN&PTNT, KH&CN;
- UBND huyện Cư Jút;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công ty TNHH MTV chăn nuôi Sơn Hải;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Đắk Nông;
- Lưu: VT, NNTNMT(Ha).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15/GPMT-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực chuồng trại chăn nuôi, phát sinh khoảng 2,1 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực nhà vận hành hệ thống xử lý chất thải, phát sinh khoảng 0,2 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 3: Nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi (bao gồm: nước tiểu heo, nước rửa chuồng, nước bể ngâm rửa đàn, phân lỏng sau tách phân, nước mưa rơi vào hồ xử lý) phát sinh khoảng 216,53 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc trong khu vực chuồng trại chăn nuôi được thu gom xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực dự án.

- Dòng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực nhà vận hành hệ thống xử lý chất thải được thu gom xử lý qua bể tự hoại và tự thấm tại giếng thấm bên trong khu vực dự án.

- Dòng nước thải chăn nuôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi được thu gom về bể thu gom, tách phân, sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án (công suất 300m³/ngày.đêm) để xử lý, nước thải sau xử lý được lưu chứa tại Hồ sinh học bậc 2.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải chăn nuôi sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng được lưu chứa tại Hồ sinh học bậc 2 (chứa nước sạch sau xử lý) để bơm lên tái sử dụng 100% cho các hoạt động xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại. Đồng thời, trong mùa mưa, khi nước tại Hồ sinh học bậc 2 đầy sẽ được bơm sang Hồ chứa nước thải tái sử dụng để trữ nước tái sử dụng cho hoạt động tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại vào mùa khô.

2.3. Vị trí xả nước thải

Tại vị trí nước thải sau xử lý chảy vào Hồ sinh học bậc 2 (chứa nước sạch sau xử lý) tại thôn 1 (Còn Dầu), xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 428996; Y = 1415091 (Tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $180^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Nước thải chăn nuôi: 216,53 m³/ngày đêm, tương đương 9,02 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý tập trung tự chảy theo đường ống về Hồ sinh học bậc 2 (chứa nước sạch sau xử lý) được bơm lên tái sử dụng 100% cho các hoạt động xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại. Đồng thời, trong mùa mưa, khi nước tại Hồ sinh học bậc 2 đầy sẽ được bơm sang Hồ chứa nước thải tái sử dụng để trữ nước tái sử dụng cho hoạt động tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại vào mùa khô.

- Chế độ xả nước thải

Nước thải chăn nuôi sau hệ thống xử lý tập trung tự chảy về Hồ sinh học bậc 2: xả thải liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

Nước thải tái sử dụng cho hoạt động xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại: Xả nước thải là gián đoạn, theo thời điểm xịt rửa gầm chuồng, ngâm rửa đàn, khử trùng, phun khử mùi sau quạt hút và tưới cây xanh trong khuôn viên trang trại.

- Chất lượng nước thải chăn nuôi trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) (Kf = 1,1)	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT	
1	pH	-	6 - 9	5,5 - 9	3 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	44	-	
3	COD	mg/l	110	-	
4	TSS	mg/l	55	-	
5	Tổng N	mg/l	55	-	
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	-	
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	-	≤ 600	
8	Asen (As)	mg/l	-	≤ 0,1	
9	Cadimi (Cd)	mg/l	-	≤ 0,01	
10	Crom tổng số (Cr)	mg/l	-	≤ 0,5	

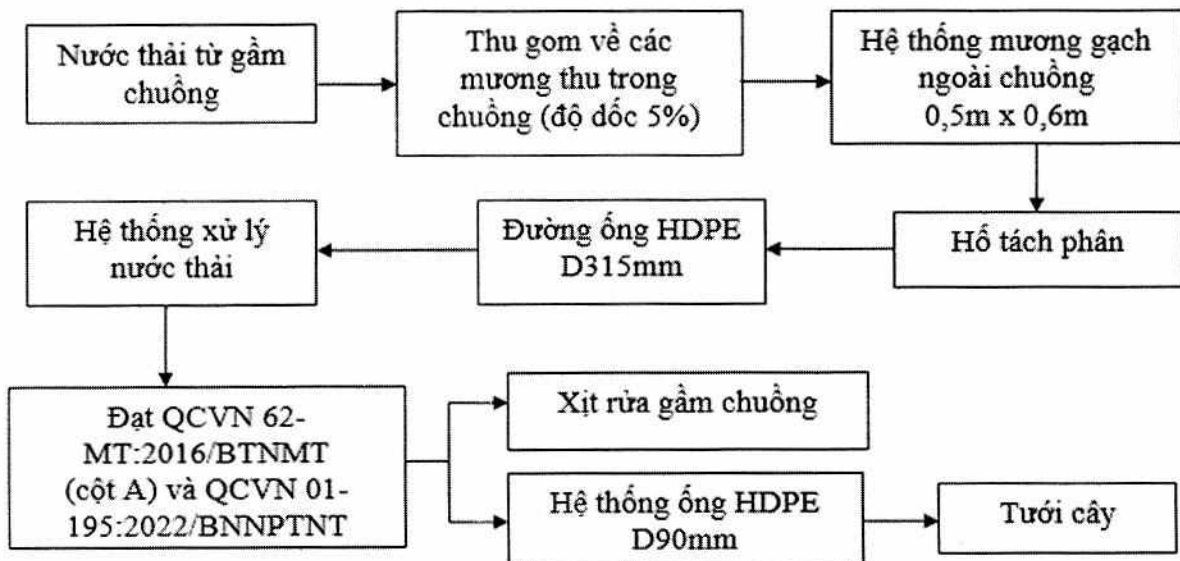
STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) (Kf = 1,1)	QCVN 01-195:2022/BNNPTNT	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	-	≤ 0,002	
12	Chì (Pb)	mg/l	-	≤ 0,05	
13	E.coli	MPN/100ml	-	≤ 200	

Ghi chú: Khuyến khích thực hiện lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

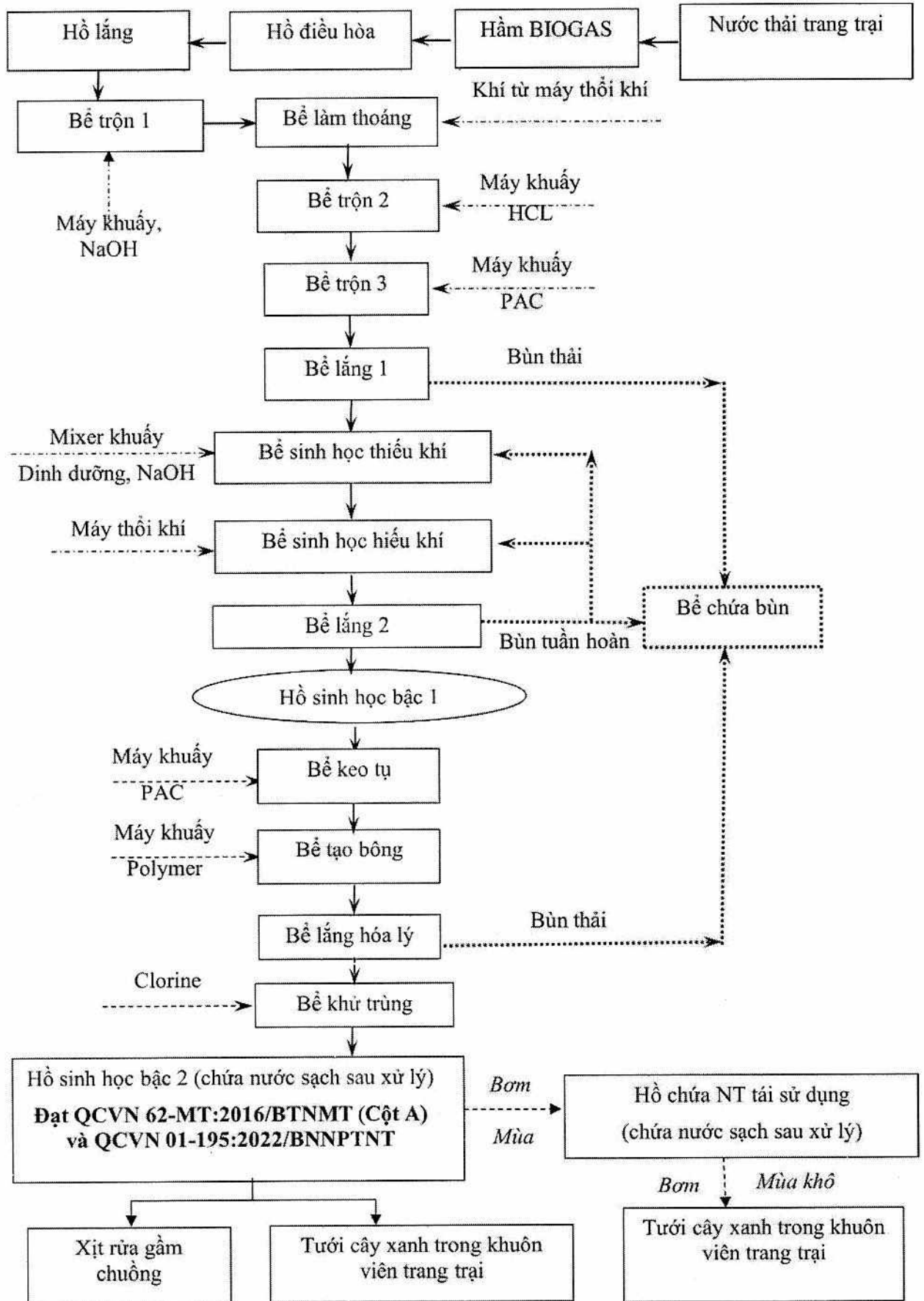
1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải được thể hiện qua sơ đồ sau:



Hệ thống thu gom nước thải chăn nuôi gồm: 1.120m mương thu gom nước thải trong gầm chuồng dọc theo trong các dãy chuồng; 514,6m mương thu gom dọc theo bên ngoài hai dãy chuồng; 5m đường ống HDPE đường kính D315mm đưa lượng nước thải sau khi tách phân về hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi tại Trang trại như sơ đồ sau:



- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng tính cho xử lý 1m³ nước thải như bảng sau:

STT	Hóa chất, điện năng	Đơn vị	Định lượng sử dụng (tính cho 1m ³ nước thải)
1	Poly Aluminium Chloride (PAC)	Kg/m ³	0,2
2	Polymer Ction	Kg/ m ³	0,004
3	Chlorine	Kg/ m ³	0,01
4	Xút vẩy (NAOH 98%)	Kg/ m ³	0,05
5	Mật ri đường	Kg/ m ³	2
6	Clorua vôi	Kg/ m ³	0,01
7	Điện năng	KW/m ³	1,5-1,7

Hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Lưu lượng nước thải đăng ký xả thải của dự án là 216,53 m³/ngày.đêm, thuộc số thứ tự 2 Cột 5 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ theo quy định tại điểm e, khoản 4, Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án thực hiện quan trắc nước thải định kỳ với tần suất 3 tháng/1 lần. Khi có quyết định của Chính phủ về thời điểm thực hiện việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với dự án, cơ sở có mức lưu lượng xả nước thải ra môi trường quy định tại số thứ tự 2 và 3 Cột 5 Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về bảo vệ môi trường theo từng thời kỳ, chủ dự án cam kết tuân thủ theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế sơ đồ công nghệ đã phê duyệt để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam. Vận hành đúng thông số kỹ thuật và thường xuyên giám sát nước thải theo đúng quy định để có cơ sở theo dõi chất lượng nước thải đầu ra.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom, xử lý nước thải chăn nuôi, bảo đảm hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, hiệu quả xử lý cao. Bố trí nhân viên có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải cũng như các công trình, hệ thống xử lý chất thải khác.

- Không vứt rác trong khu vực chuồng hoặc xung quanh dãy chuồng, tránh trường hợp rác bị cuốn vào mương gây ứ đọng, tắc mương tại các điểm giao.

- Bố trí một hồ sự cố có thể tích lưu trữ là 1.800m³ (kích thước: dài 30m, rộng 12m, sâu 5m) để dự phòng lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống

xử lý nước thải gặp sự cố.

- Bố trí máy bơm, đường ống, tủ phân phối điện cố định và máy bơm dự phòng công suất tương đương để thay thế bơm xử lý nước thải khi có sự cố.

- Đối với những khu vực có nền đất yếu như bờ của các hồ xử lý nước thải và hồ chứa nước thải sau xử lý sẽ được gia cố, đầm nén chặt và trồng bổ sung cây xanh ở những khu vực vị trí xung yếu, bờ có độ dốc cao.

- Trường hợp chất lượng nước thải có các chỉ tiêu không đạt quy chuẩn như đã cam kết, nước thải sau bể khử trùng sẽ được bơm về lại hồ lắng để tiếp tục xử lý lại, đồng thời trại sẽ kiểm tra toàn bộ hệ thống xử lý nước thải và tìm ra nguyên nhân sự cố. Trong trường hợp do tính chất nước thải thay đổi, các công trình hiện tại không đáp ứng, chủ đầu tư sẽ thông báo với cơ quan quản lý và xin phép điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi công nghệ xử lý trong trường hợp cần thiết để đảm bảo đạt quy chuẩn xả thải trước khi thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 07/9/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm.

Vị trí lấy mẫu; tần suất lấy mẫu; chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm; quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

TT	Vị trí giám sát	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số chất ô nhiễm	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý chất thải				
1	Nước thải đầu vào tại vị trí hồ thu gom nước thải trước khi vào hầm Biogas (X= 428998; Y=1414976)	* Thời gian: - Lần 1: 01/6/2023 - Lần 2: 15/6/2023 - Lần 3: 01/7/2023 - Lần 4: 15/7/2023 - Lần 5: 01/8/2023 * Tần suất: 15 ngày/01 lần đo đạc. Lấy và phân tích mẫu tổ hợp.	05 (mẫu tổ hợp)	pH, BOD ₅ , COD, TSS, Tổng N, Tổng Coliform, Cl ⁻ , As, Cd, Cr, Hg, Pb, E.coli	QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) (Kf = 1,1) và QCVN 01-195:2022/BNNPTNT
2	Nước thải đầu ra tại vị trí xả vào Hồ sinh học bậc 2 (X =428996; Y=1415091)				
II	Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải				
1	Nước thải đầu vào tại vị	- Thời gian: 15/8/2023.	01 (mẫu)	pH, BOD ₅ , COD, TSS,	QCVN 62-MT:2016/BTNMT

	trí hồ thu gom nước thải trước khi vào hầm Biogas (X= 428998; Y=1414976)	- Lấy 01 mẫu đơn trong ngày đầu tiên của giai đoạn vận hành ổn định.	đơn)	Tổng N, Tổng Coliform, Cl ⁻ , As, Cd, Cr, Hg, Pb, E.coli	(Cột A) (Kf = 1,1) và QCVN 01-195:2022/ BNNPTNT
2	Nước thải đầu ra tại vị trí xả vào Hồ sinh học bậc 2 (X =428996; Y=1415091)	- Thời gian: + Lần 1: 15/8/2023 + Lần 2: 16/8/2023 + Lần 3: 17/8/2023 + Lần 4: 18/8/2023 + Lần 5: 19/8/2023 + Lần 6: 20/8/2023 + Lần 7: 21/8/2023 - Lấy 07 mẫu đơn (01 mẫu/01 ngày) trong 07 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.	07 (mẫu đơn)		

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Lắp đặt đồng hồ (thiết bị) đo lưu lượng để quan trắc lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải. Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải theo quy định.

- Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị và thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý nước thải để đảm bảo nước thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Thực hiện công bố hợp quy và đăng ký công bố hợp quy theo đúng quy định khi trang trại có nước thải chăn nuôi sử dụng cho cây trồng áp dụng QCVN 01-195:2022/BNNPTNT; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường./

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15/GPMT-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên liệu, nhập, xuất heo và chăm sóc vật nuôi (cho heo ăn).
- Nguồn số 2: Mùi hôi trong khu vực chuồng trại.
- Nguồn số 3: Mùi hôi từ hoạt động thu gom và xử lý chất thải, nước thải.
- Nguồn số 4: Khí thải phát sinh từ hầm Biogas
- Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ lò đốt xác heo chết không do dịch bệnh và khí gas dư, phát sinh khoảng 1.500 m³/giờ.
- Nguồn số 6: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (phát sinh không thường xuyên, chỉ phát sinh khi cúp điện – máy phát điện dự phòng hoạt động).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Dòng khí thải

Đối với các nguồn khí thải phát sinh trong khu vực Trang trại như trên thì chỉ có Nguồn số 5: Khí thải phát sinh từ lò đốt xác heo chết không do dịch bệnh và khí gas dư là có vị trí phát thải cụ thể (nguồn điểm).

2.2. Vị trí xả khí thải

Vị trí xả khí thải: 01 vị trí trên ống khói của lò đốt xác heo chết không do dịch bệnh và khí gas dư tại trang trại sau khi xử lý đạt quy chuẩn Việt Nam trước khi thải ra môi trường thuộc địa phận thôn 1 (Cồn Dầu), xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Toạ độ vị trí xả khí thải: X = 429072; Y = 1415021 (Toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 180⁰30', múi chiếu 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 1.500 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, gián đoạn vào những thời điểm lò đốt hoạt động

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, trang trại không thuộc đối tượng cần quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để chủ động theo dõi và giám sát chất lượng khí thải phát sinh từ trang trại, chủ đầu tư đề xuất thực hiện giám sát định kỳ đối với khí thải, cụ thể: các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải trước khi xả vào môi

trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Quy chuẩn QCVN 30:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị đo	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 30:2012/BTNMT	QCVN 19:2009/BTNMT	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	-	3 tháng/lần
2	CO	mg/Nm ³	250	-	
3	NO _x	mg/Nm ³	500	-	
4	SO ₂	mg/Nm ³	250	-	
5	H ₂ S	mg/Nm ³	-	7,5	
6	NH ₃	mg/Nm ³	-	50	
7	CH ₄	mg/Nm ³	-	-	

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Khí gas sinh ra sẽ được dẫn về lò đốt xác và đốt khí gas thừa bằng đường ống uPVC D90

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò đốt xác và đốt khí gas → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Quạt hút → Ống khói → Xả ra môi trường.

- Công suất thiết kế: công suất lò đốt 200 kg/ngày; lưu lượng xả khí thải tối đa 1.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH 99% - dạng vảy (định mức tiêu hao là 0,01g/lm³ khí thải) hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại phần A của Phụ lục này.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống làm mát, hầm biogas, tháp hấp thụ, quạt hút và ống khói, đảm bảo khả năng xử lý và thoát khí thải.



- Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát khí thải định kỳ để kịp thời phát hiện nếu hiệu quả xử lý của hệ thống không đảm bảo. Trong trường hợp đã áp dụng vận hành hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật mà nồng độ khí thải vẫn không đạt, Chủ đầu tư sẽ tiến hành xây dựng biện pháp khắc phục, cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng bổ sung công trình xử lý để đảm bảo khí thải đầu ra đạt Quy chuẩn đăng ký.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01/6/2023 đến ngày 07/9/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác heo chết không do dịch bệnh và khí gas dư.

Vị trí lấy mẫu; tần suất lấy mẫu; chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm; quy chuẩn so sánh, cụ thể như sau:

STT	Vị trí giám sát	Thời gian, tần suất lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số chất ô nhiễm	Quy chuẩn so sánh
I	Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý khí thải				
1	Ống khói lò đốt xác và khí gas dư (X=429072; Y=1415021)	- Thời gian: + Lần 1: 01/6/2023 + Lần 2: 15/6/2023 + Lần 3: 01/7/2023 + Lần 4: 15/7/2023 + Lần 5: 01/8/2023 - Tần suất: 15 ngày/01 lần đo đặc.	05	Bụi tổng, CO, NO _x , SO ₂ , H ₂ S, NH ₃ , CH ₄	QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 30:2012/BTNMT
II	Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý chất thải				
1	Ống khói lò đốt xác và khí gas dư (X=429072; Y=1415021)	- Thời gian: + Lần 1: 15/8/2023 + Lần 2: 16/8/2023 + Lần 3: 17/8/2023 + Lần 4: 18/8/2023 + Lần 5: 19/8/2023 + Lần 6: 20/8/2023	07	Bụi tổng, CO, NO _x , SO ₂ , H ₂ S, NH ₃ , CH ₄	QCVN 19:2009/BTNMT và QCVN 30:2012/BTNMT



		+ Lần 7: 21/8/2023 - Lấy 07 mẫu đơn (01 mẫu/01 ngày) trong 07 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.			
--	--	--	--	--	--

Ghi chú: Trong trường hợp bất khả kháng không thể đo đạc, lấy và phân tích mẫu liên tiếp được thì phải thực hiện đo đạc, lấy và phân tích mẫu sang ngày kế tiếp.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của trang trại, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, giám sát việc vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của công trình xử lý bụi, khí thải để đảm bảo khí thải xử lý theo đúng quy chuẩn, quy định hiện hành, tránh xảy ra các sự cố môi trường.

- Lập nhật ký vận hành hệ thống xử lý khí thải theo quy định.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công ty TNHH MTV chăn nuôi Sơn Hải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

- Thực hiện chương trình quan trắc chất lượng không khí môi trường lao động, cụ thể như sau:

Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ KK01: Không khí khu vực cổng (tọa độ: X = 428702; Y = 1414993).

+ KK02: Không khí khu vực hệ thống xử lý nước thải (tọa độ: X = 429004; Y = 1415005).

Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, bụi TSP, CO, NO_x, SO₂, H₂S, NH₃, Mercaptan.

Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị tới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN

03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc – giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc./.



Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh và vị trí tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi (do heo kêu).
- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của quạt hút.
- Nguồn số 3: Tiếng ồn từ máy bơm nước thải và máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 4: phát sinh từ các phương tiện đi lại của công nhân viên và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu sản phẩm ra vào trang trại.

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực chuồng nuôi, quạt hút sau các dãy chuồng, khu vực hệ thống xử lý nước thải và khu vực đặt máy phát điện.

2. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	≤ 70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

II. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đối với tiếng ồn từ hoạt động chăn nuôi (do heo kêu):
 - + Phân cụm chuồng trại hợp lý, cách xa khu vực văn phòng.
 - + Cho heo ăn đúng giờ.
 - + Hạn chế vận chuyển heo vào ban đêm để giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.
- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của quạt hút:

+ Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng quạt. Bôi trơn ổ bi, vệ sinh cánh quạt và tấm mở của quạt.

+ Đảm bảo mật độ cây xanh của dự án.

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ máy bơm nước thải, máy phát điện dự phòng:

+ Bố trí buồng cách âm với lớp vật liệu hút âm ở mặt trong đối với nhà đặt máy phát điện.

+ Bố trí khu vực đặt máy bơm nước thải cách ly với khu vực nhà ở công nhân, chuồng trại chăn nuôi.

+ Sử dụng các loại thiết bị ít gây ồn và rung nhất.

+ Lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách, có đệm chống ồn và chân kê cố định chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, kiểm soát tiếng ồn, độ rung để không ảnh hưởng đến sinh sống của người dân gần dự án./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND
ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

I. NỘI DUNG CẤP PHÉP QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải nguy hại
I	Chất thải nguy hại dạng rắn				
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	2	Giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	8	
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5	
4	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	13 02 02	48	
5	Bao bì cứng thải (không chứa hóa chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ như bao bì hóa chất độc hại, vỏ chai thuốc thú y,...)	Rắn	14 01 06	50	
6	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Rắn/lỏng g/bùn	14 02 02	20	
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu không nêu tại mã khác) giặt lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	5	
8	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh) *	Rắn	14 02 01	-	Xử lý tại Hồ hủy xác trong khuôn viên trang trại
II	Chất thải nguy hại dạng lỏng				
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	10	Giao cho đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định

(*): Chỉ phát sinh khi có sự cố dịch bệnh xảy ra.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn chăn nuôi thông thường phát sinh

- Phân heo: Phân heo sau khi tách ra khỏi nước thải có khối lượng khoảng 7.043-7.585 kg/ngày.
- Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: khoảng từ 585 – 682 kg/ngày.
- Giấy làm mát tại dàn lạnh trước mỗi dãy chuồng bình quân 5 năm thay 1 lần, mỗi lần thay khoảng 2,5 tấn.
- Tro từ lò đốt xác: khoảng 260 kg/năm, tương đương với 0,71 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 6,6 kg/ngày tương đương 2.400 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có dán nhãn.

- Diện tích kho lưu chứa: 27 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Kho xây gạch, sàn bê tông, có mái che. Có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh thoát nước mưa xung quanh tránh nước mưa chảy tràn vào bên trong....

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn chăn nuôi thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Bao bì.

- Diện tích nhà chứa phân heo: 140 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nhà 1 tầng, cột bê tông cốt thép, khung kèo tổ hợp lợp tôn, tôn bao che xung quanh, nền láng xi măng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác trong khu vực trang trại và tự xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh bằng biện pháp chôn lấp trong khu vực trang trại.

- Thiết kế, cấu tạo: Nhà để rác 20m², kết cấu thép tiền chế, nền bê tông, cột sắt, có mái che. Hồ chôn lấp rác thải sinh hoạt dạng hố tròn, đường kính hố 2m, sâu 2m. Rác thải sinh hoạt chôn tại hố chôn lấp sẽ được phun vi sinh khử mùi và rải một lớp đất mỏng phủ theo định kỳ 1 tuần/lần để tránh ruồi muỗi, mùi hôi phát sinh.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn chăn nuôi thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố trong quá trình vận hành dự án, sự cố trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý nước thải, khí thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Trong trường hợp xảy ra dịch bệnh chết hàng loạt, biện pháp xử lý thực hiện theo Điều 30 Luật Thú y về xử lý bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh và sản phẩm động vật mang mầm bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./



Phụ lục 5
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 15 /GPMT-UBND
ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung đề xuất trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của trang trại đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của trang trại bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải, công trình xây dựng của dự án.

4. Chủ đầu tư phải đảm bảo đủ điều kiện chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn hoá chất, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định.

7. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

8. Trường hợp có thay đổi tên chủ đầu tư thì chủ đầu tư mới có trách nhiệm tiếp tục thực hiện giấy phép môi trường và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép môi trường biết để được cấp đổi giấy phép.

9. Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường, báo cáo kết quả theo quy định; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.